

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phan Thanh	Phúc	3671031273	01/09/1994		7,50	7,50	
2	Lê Phát	Sang	3671031278	13/12/1994		7,80	7,80	
3	Trần Ngọc Duy	Khương	3671031279	09/12/1993		7,80	7,80	
4	Đỗ Văn	Toàn	3671031280	05/12/1994		9,80	9,80	
5	Nguyễn Văn	Tùng	3671031282	29/11/1993		6,30	6,30	
6	Nguyễn Nhật	Huy	3671031287	09/11/1994		7,50	7,50	
7	Trần Anh	Nhật	3671031290	04/11/1993		7,30	7,30	
8	Nguyễn Thanh	Sang	3671031291	07/10/1994		6,80	6,80	Nợ HP
9	Bá Quang	Đàng	3671031295	04/03/1993		7,80	7,80	
10	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994		7,30	7,30	
11	Hoàng Văn	Đức	3671031301	21/09/1994		7,80	7,80	
12	Nguyễn Văn	Bảo	3671031305	19/05/1994		7,80	7,80	
13	Trần Quang	Chung	3671031454	30/10/1994		5,80	5,80	Nợ HP
14	Nguyễn Tấn	Anh	3671031456	10/10/1994		8,00	8,00	
15	Nguyễn Văn	Bình	3671031458	04/01/1994		10,00	10,00	
16	Lê Nhược Vi	Quân	3671031464	11/04/1993		7,80	7,80	
17	Nguyễn Đức	Trọng	3671031466	17/10/1993		7,30	7,30	
18	Nguyễn Thanh	Viêm	3671031467	21/06/1994		7,00	7,00	Nợ HP
19	Nguyễn Đình	Sơn	3671031468	18/12/1994		7,80	7,80	Nợ HP
20	Lê Nhật	Tân	3671031469	13/07/1994		7,80	7,80	
21	Bùi Văn	Quang	3671031471	06/10/1993		5,00	5,00	
22	Đỗ Tấn	Khang	3671031476	11/02/1994		9,50	9,50	
23	Phạm Văn	Nghĩa	3671031478	22/06/1992		7,00	7,00	
24	Nguyễn Hữu	Tuấn	3671031484	27/09/1994		7,30	7,30	
25	Lê Văn	Hậu	3671031488	06/04/1993		7,80	7,80	
26	Điệp Văn	Duy	3671031489	05/10/1993		8,00	8,00	
27	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993		4,30	4,30	
28	Nguyễn Viết	Sơn	3671031495	26/06/1993		6,80	6,80	
29	Tạ Anh	Phương	3671031497	22/05/1994		6,30	6,30	
30	Lê Hải	Vân	3671031498	21/03/1994		6,80	6,80	Nợ HP
31	Lê Hồng	Vũ	3671031499	26/01/1994		7,30	7,30	
32	Phạm Đình	Tuấn	3671031504	19/04/1994		7,00	7,00	
33	Võ Bách	Khoa	3671031505	03/02/1994		7,50	7,50	Nợ HP
34	Lê Văn	Muống	3671031510	22/05/1994		5,00	5,00	Nợ HP
35	Nguyễn Quang	Công	3671031512	16/09/1989		7,50	7,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Thành	Phong	3671031513	04/10/1994		6,30	6,30	
37	Nguyễn Văn	Hải	3671031514	02/06/1994		8,00	8,00	
38	Lê Văn	Độ	3671031523	20/11/1994		8,00	8,00	
39	Nguyễn Bình	Triệu	3671031526	13/07/1993		6,50	6,50	Nợ HP
40	Lê Đức	Tấn	3671031538	05/10/1994		6,30	6,30	
41	Nguyễn Tài	Phát	3671031543	07/08/1994		7,50	7,50	Nợ HP
42	Nguyễn Vương	Lộc	3671031544	03/06/1994		7,00	7,00	
43	Nguyễn Đăng	Hải	3671031549	12/03/1993		7,80	7,80	
44	Nguyễn Công	Hiếu	3671031550	12/09/1994		8,00	8,00	
45	Trần Minh	Hiếu	3671031552	13/06/1994		8,00	8,00	Nợ HP
46	Võ Hùng	Mạnh	3671031553	03/02/1994		,00	,00	Nợ HP
47	Phan Tấn	Mạnh	3671031557	14/04/1994		7,80	7,80	
48	Trương Thị Kim	Nguyệt	3671031559	09/04/1994		8,30	8,30	
49	Nguyễn Thành	Luân	3671031563	06/01/1994		7,80	7,80	
50	Nguyễn Thị	Lộc	3671031567	26/06/1994		10,00	10,00	
51	Huỳnh Quang	Hiệp	3671031575	02/10/1994		8,50	8,50	
52	Đỗ Thanh	Cừ	3671031584	31/05/1994		5,80	5,80	
53	Trần Việt	Tiến	3671031590	15/09/1994		7,30	7,30	
54	Nguyễn Bình	Danh	3671031591	16/04/1994		8,00	8,00	Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)